

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 08 - 08 - 2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị D, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 97B, đường N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 97B, đường N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Công P, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 07, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 23 L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 01 Ngõ 69 đường P, phường Đ thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bà Hà Thị N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 36 đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bà Hà Thị N1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 08 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị N1: Luật sư Võ Bá H - thuộc Văn phòng luật sư M; địa chỉ: Số 07, đường H, Tổ dân phố 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bà Hà Thị Xuân H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 08 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 10A, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Anh Hà Công B, sinh năm 2003; cư trú tại: Số 10A, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Anh Hà Công H, sinh năm 2009; nơi cư trú tại: Số 10A, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Bà Hoàng Thị S là đại diện theo uỷ quyền của anh Hà Công B và đại diện theo pháp luật của anh Hà Công H do anh H là người chưa thành niên; bà S có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn - ông Hà Công P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn - bà Hà Thị D trình bày:* Bố mẹ bà là cụ Hà Công P1, sinh năm 1931 (chết ngày 19/6/2016) và cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1928 (chết ngày 23/12/2013). Bố mẹ bà có 07 người con gồm: ông Hà Công P, sinh năm 1955; bà Hà Thị D, sinh năm 1957; bà Hà Thị T, sinh năm 1962; ông Hà Công L, sinh năm 1964 (đã chết ngày 27/7/2022, có vợ là Hoàng Thị S và 02 con là Hà Công B, Hà Công H); bà Hà Thị N, sinh năm 1967; bà Hà Thị N1, sinh năm 1969 và bà Hà Thị Xuân H, sinh năm 1973. Khi còn sống cụ P1 và cụ T tạo lập nên khối tài sản là 01 thửa đất số 132, tờ bản đồ số 58 với diện tích 592,1m² tại Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 00032/QSDĐ/13QĐ-UB do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001. Đến năm 2010, hai Cụ làm thủ tục tách thửa đất nói trên thành 04 thửa đất và đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ ngày 19/10/2010 đều đứng tên của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Hai cụ cùng các con trong nhà có tổ chức họp gia đình có đầy đủ 07 người con dự họp để nói rõ ý định, mục đích công bố việc phân chia đất cụ thể cho từng người con, với yêu cầu: Mỗi người con phải đóng vào 150.000.000 đồng để xây nhà mới cho bố mẹ tại thửa đất 209, ngôi nhà này sau này dùng để thờ cúng bố mẹ, cộng thêm 50.000.000 đồng để chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở cho 04 thửa đất trên đất và bù cho đủ diện tích đất ở tại thửa 209 do xây nhà vượt quá diện tích đất ở, tổng cộng mỗi người con phải nộp cho bố mẹ là 200.000.000 đồng. Về khoản tiền đó ông Hà Công L và bà Hà Thị N1 được bố mẹ cho miễn nộp vì hai người này đang sống chung với bố mẹ trong nhà và điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Sau khi các con nộp đủ tiền, cụ P1, cụ T sẽ phân chia như sau:

1. Thửa đất số 206, tờ bản đồ 58, diện tích 135m², trong đó có 40m² đất ở tại đô thị, 95m² đất trồng cây lâu năm hiện tại chưa có ai ở, chưa xây dựng nhà ở, giao cho bà D.

2. Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 58, diện tích 141,3 m², trong đó có 40m² đất ở tại đô thị, 101,3m² đất trồng cây lâu năm, giao cho bà H, bà T.

3. Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích 102,8m², trong đó có 40m² đất ở tại đô thị, 62,8m² đất trồng cây lâu năm giao cho bà N và ông P.

4. Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 có diện tích 213 m², trong đó có 100m² đất ở tại đô thị, 113m² đất trồng cây lâu năm, trên thửa đất này có ngôi nhà 2 tầng xây năm 2010 hai cụ ở cùng với gia đình ông L để thờ phụng ông bà. Sau này khi hai cụ chết thì giao lại cho ông L. Phần đất trống còn lại trong thửa 209 thống nhất cho bà N1 và ông L cùng sử dụng.

Tại cuộc họp gia đình theo ý nguyện nêu trên, tuy không được bố mẹ soạn và lập thành văn bản nhưng tất cả các người con đều hiểu và mặc định biết rằng đó là thửa đất mà cha mẹ đã cho mình (hiện mỗi người đang nắm giữ GCNQSDĐ của mỗi lô đất mà cha mẹ đã cho mình). Bà H và bà T đã nộp đủ tiền 200.000.000 đồng, sau đó bà H, bà T đã thoả thuận giao đất cho bà H do đó hai cụ đã chuyển quyền sử dụng thửa đất số 207, tờ bản đồ số 58 có diện tích 141 m² cho bà Hà Thị Xuân H. Bà N đã nộp đủ tiền 200.000.000 đồng nhưng ông P chưa nộp tiền, bà D đã nộp đủ số tiền 200.000.000 đồng nhưng khi đó cụ T lâm bệnh nặng chưa làm thủ tục chuyển nhượng được, nên hiện 03 thửa còn lại vẫn mang tên cụ P1 và cụ T.

Cuối năm 2012, cụ T lâm bệnh chuyển nặng khá nhanh và mất dần khả năng nhận biết. Thấy vậy ngày 05/12/2013, cụ P1 triệu tập cuộc họp gia đình một lần nữa. Lần này để nói rõ ý nguyện của cụ T và cụ P1 cho con gái là bà Hà Thị D hiện đang sống xa quê được hưởng trọn lô đất 206. Sự việc này được lập bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của bố mẹ cùng 07 anh chị em đồng ý và ghi nhận (có biên bản họp gia đình kèm theo). Sau khi bố mẹ đều qua đời, bà D đã yêu cầu 07 anh chị em họp và tiến hành làm thủ tục kê khai, ký xác nhận phân chia di sản đã được bố mẹ phân chia nhằm sang tên trước bạ cho bà và những người còn lại. Tuy nhiên, sau nhiều lần đề nghị và yêu cầu, 06 người con đều đồng ý duy chỉ có ông Hà Công P là người chối bỏ trách nhiệm và không hợp tác thực hiện, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của tất cả anh chị em trong gia đình.

Do đó, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Tiến hành phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại 03 lô đất bao gồm: Thửa 206, thửa 208 và thửa 209 tờ bản đồ số 58. Thửa đất số 206 giao bà D; thửa đất số 208 giao cho bà N, ông P, nhưng ông P phải nộp đủ khoản tiền như bố mẹ yêu cầu trước đây; thửa đất số 209 có ngôi nhà 02 tầng đề nghị giữ nguyên để thờ cúng; phần đất trống của thửa 209 diện tích 106m² chia cho bà N1 và ông L. Về tiền, vàng của hai cụ để lại bà và anh chị em thống nhất không phân chia. Trên thửa đất số 208 và thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 có 01 nhà cũ 02 tầng của cụ P1, cụ T xây dựng năm 1992 không ai sử dụng do đã xuống cấp, hư hỏng chưa được giải tỏa, phá dỡ nên sau này ai sử dụng phần đất liên quan thì người đó tự tháo dỡ mà không đưa vào phân chia. Nếu không tự tháo dỡ thì yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tháo dỡ, người được giao sử dụng phần đất có nhà đó phải chịu chi phí tháo dỡ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn - ông Hà Công P trình bày: Ông thừa nhận những thông tin về bố mẹ, anh chị em đúng như nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày. Tài sản bố mẹ để lại gồm có: Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 58 với diện tích 592,1m² tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới bố mẹ đã tách ra 4 thửa: thửa 206, 207, 208 và 209 tờ bản đồ số 58. Năm 2009 - 2010 họp gia đình thống nhất bố mẹ làm nhà trên một nửa thửa đất số 209 để bố mẹ, ông L, bà N1 cùng các cháu ở để thờ phụng ông bà tổ tiên sau này; một nửa còn lại của thửa 209 cho hai em là ông Hà Công L và bà Hà Thị

N1 cùng sử dụng; thửa đất số 208 cho ông Hà Công P và bà Hà Thị N; thửa đất số 207 cho bà Hà Thị T và Hà Thị Xuân H, hai bà đã nộp đủ khoản tiền 200.000.000 đồng mỗi người và bà H đã trả tiền cho bà T nên bố mẹ đã chuyển sang tên sang bà H; thửa đất số 206 cho một mình bà Hà Thị D, lý do là vì giá trị thửa đất thấp hơn nhiều so với các thửa đất khác, thửa đất này chưa sang tên cho bà D. Như vậy, hiện tại còn lại thửa đất 206, 208, 209 mặc dù hai cụ và các anh em trong gia đình đã họp bàn như vậy nhưng vẫn đang đứng tên của cụ P1, cụ T. Nay ông yêu cầu các anh chị em thực hiện theo di nguyện của bố mẹ là chia cho ông được hưởng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 208 mà không phải đóng góp tiền. Nếu không được thì ông yêu cầu chia thừa kế của bố mẹ theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị T trình bày:* Nhất trí với nguyên đơn bà Hà Thị D về thông tin của bố mẹ, anh chị em, nguồn gốc đất của bố mẹ. Sau khi qua đời, bố mẹ không để lại di chúc gồm có các tài sản là: số tiền gửi tiết kiệm bà Hà Thị Xuân H đang giữ, bà cũng nhất trí với anh chị em là không đưa vào khối di sản để chia thừa kế; 01 ngôi nhà hai tầng gắn liền với thửa đất 209; thửa đất số 206 và thửa đất số 208 hiện nay mang tên bố mẹ. Nay bà yêu cầu các anh em thực hiện theo di nguyện của bố mẹ đã họp là: Thửa đất số 206 giao bà D; thửa đất số 208 giao cho bà N, ông P nhưng ông P phải nộp số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng. Một phần thửa đất số 209 gắn liền với ngôi nhà 02 tầng đề nghị giữ nguyên để thờ cúng. Phần đất trống diện tích 106m² giao cho bà N1 và ông L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N trình bày:*

Nhất trí với nguyên đơn - bà Hà Thị D về thông tin của bố mẹ, anh chị em, nguồn gốc đất của bố mẹ. Trước đây khi bố mẹ còn sống có cuộc họp phân chia tài sản cho các con cứ 02 người chung 01 lô đất, riêng bà D được bố mẹ cho thửa đất số 206, với điều kiện mỗi người nộp vào cho bố mẹ 150.000.000 đồng để bố mẹ làm nhà và 50.000.000 đồng để chuyển đất mục đích sử dụng từ đất vườn thành đất ở. Nay bà yêu cầu các anh em thực hiện theo di nguyện của bố mẹ đã họp là: Thửa đất số 206 giao bà D; thửa đất số 208 giao cho bà N, ông P nhưng ông P phải nộp số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất của Ngân hàng. Một phần thửa đất số 209 có ngôi nhà 02 tầng đề nghị giao cho anh Hà Công B sở hữu để thờ cúng ông bà tổ tiên, anh B không có quyền cho thuê hoặc chuyển nhượng mua bán. Phần đất trống diện tích 106m² giao cho bà N1 và ông L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1 trình bày:*

Nhất trí với nguyên đơn bà Hà Thị D về thông tin của bố mẹ, anh chị em, nguồn gốc đất của bố mẹ. Khi còn sống bố mẹ có phân chia cho bảy đứa con như sau: Hà Công P và Hà Thị N thừa 208, Hà Thị T và Hà Thị Xuân H thừa 207, Hà Thị D thừa 206, với điều kiện mỗi người nộp vào cho bố mẹ là 200.000.000 đồng để bố mẹ làm nhà và nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất vườn thành mỗi lô có 40m² đất ở. Ông Hà Công L được bố mẹ cho một phần thửa đất và ngôi nhà hai tầng trên đất; ngoài ra ông L và bà được bố mẹ cho chung một phần thửa đất 209 diện tích 106m², ông L và bà không phải nộp tiền như các anh em khác. Nếu anh chị em không tự thỏa thuận được như khi cha mẹ còn sống thì đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Bà là người không có chồng, con, nhà cửa, nếu phân chia theo pháp luật

thì bà có nguyện vọng được lấy thửa đất số 208 để xây nhà ở và có nơi buôn bán làm ăn nuôi sống bản thân.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị Xuân H trình bày:* Nhất trí với nguyên đơn bà Hà Thị D về thông tin của bố mẹ, anh chị em, nguồn gốc đất của bố mẹ. Trước đây khi bố mẹ còn sống có cuộc họp phân chia tài sản như sau: Hà Công P và Hà Thị N thừa 208, Hà Thị T và Hà Thị Xuân H thừa 207, Hà Thị D thừa 206, với điều kiện mỗi người nộp vào cho bố mẹ 200.000.000 đồng để bố mẹ làm nhà và chuyển đất vườn thành đất ở; phần đất trống còn lại của thửa 209 cho ông Hà Công L và bà Hà Thị N1, bà N1, ông L không phải nộp tiền. Bà H và bà T đã nộp đủ tiền 200.000.000 đồng, sau đó bà H, bà T đã thỏa thuận giao cho bà H do đó hai cụ đã chuyển quyền sử dụng thửa đất số 207, tờ bản đồ số 58 có diện tích 141 m² cho bà Hà Thị Xuân H. Còn lại thửa 206, 208, 209, bà H có nguyện vọng anh chị em trong gia đình tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị S, anh Hà Công B, anh Hà Công H thống nhất trình bày:* Nhất trí với nguyên đơn bà Hà Thị D về thông tin của bố mẹ, anh chị em, nguồn gốc đất của bố mẹ.

Tài sản cụ P1, cụ T để lại gồm có 4 thửa đất gồm: thửa 206, 207, 208 và 209. Năm 2009 - 2010 hai cụ tổ chức họp gia đình thống nhất hai cụ làm nhà trên một phần thửa 209 để sinh sống. Ông L, bà N1 cùng các cháu sống chung với hai cụ để thờ phụng ông bà tổ tiên sau này; một nửa còn lại của thửa đất 209 cho ông Hà Công L và bà Hà Thị N1 cùng sử dụng; thửa đất số 208 cho ông Hà Công P và bà Hà Thị N; thửa đất số 207 cho bà Hà Thị T và Hà Thị Xuân H, bà H đã trả tiền cho bà T đã chuyển sang tên sang bà H; thửa đất số 206 cho bà Hà Thị D lý do là vì giá trị thửa đất thấp hơn các thửa đất khác. Hiện tại còn lại thửa đất 206, 208, 209 mặc dù hai cụ và các anh em trong gia đình đã họp bàn như vậy nhưng vẫn đang đứng tên của cụ P1, cụ T.

Ông Hà Công L từ nhỏ đến khi trưởng thành lấy vợ sinh con vẫn ở với bố mẹ. Ông L làm lụng vất vả, tiền bạc của cải đưa cho bố mẹ giữ hết. Đến lúc lấy vợ sinh con cũng vậy, làm bao nhiêu đều đưa cho bố mẹ. Khi còn sống cụ P1 và cụ T hứa sau này sẽ giao nhà với tiền bạc lại cho ông L. Sau đó hai cụ lâm bệnh, đau ốm, ông L, bà S ở trong nhà lo toan mọi thứ cho đến khi hai cụ lần lượt qua đời. Bố mẹ mất chưa bao lâu thì ông L lâm bệnh nặng, rồi ông L cũng qua đời. Từ đó đến nay ba mẹ con bà S vẫn ở trong nhà của bố mẹ, vẫn thờ cúng tổ tiên, ông bà đầy đủ. Mong muốn của ba mẹ con là được ở trong nhà ông bà và ông L gây dựng nên để được thờ cúng bố mẹ, ông bà tổ tiên và ông L như từ trước đến nay. Còn lại đất đai chia theo ý của anh em trong nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị D.

2. Xác định di sản của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là:

- Thừa đất số 206, tờ bản đồ số 58 (nay thừa đất số 190, tờ bản đồ số 57) diện tích theo GCNQSDĐ là 135m² (diện tích còn lại 130,2m²), trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 90,2m², đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T.

- Thừa đất số 208, tờ bản đồ số 58 (nay thừa đất số 192, tờ bản đồ số 57) diện tích theo GCNQSDĐ là 102,8m² (diện tích còn lại 99,9m²), trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 59,9m², đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ vào ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T.

- Thừa đất số 209, tờ bản đồ số 58 (nay thừa đất số 31, tờ bản đồ số 57) diện tích theo GCNQSDĐ là 213m² (diện tích hiện trạng sử dụng 242,3m²), trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 142,3m² đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ vào ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Các đương sự chỉ yêu cầu Toà án giải quyết phần diện tích đất 106m² đất trồng cây hàng năm. Diện tích phần đất có nhà hai tầng, phần đất này có diện tích thực tế đang sử dụng là 136,3m², trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 36.3m², không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Giá trị tài sản của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T là: Thừa đất số 206, có giá trị là 936.100.000 đồng; thừa đất số 208, có giá trị là 1.399.000.000 đồng; một phần thừa đất số 209, diện tích 106m² đất trồng cây hàng năm, có giá trị là 1.060.000.000 đồng. Tổng cộng tài sản của hai cụ đã được định giá là 3.395.100.000 đồng.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất cụ Hà Công P1, sinh năm 1931 (chết ngày 19/6/2016) và cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1928 (chết 23/12/2013) gồm 07 người con: Ông Hà Công P; bà Hà Thị D; bà Hà Thị T; ông Hà Công L (chết ngày 27/7/2022), ông L có vợ bà Hoàng Thị S, các con là Hà Công B, Hà Công H; bà Hà Thị N; bà Hà Thị N1 và bà Hà Thị Xuân H.

5. Giao cho bà Hà Thị D được quyền sử dụng diện tích 130,2m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 90,2m², tại thừa đất số 206, tờ bản đồ số 58 (nay là thừa đất số 190, tờ bản đồ số 57), diện tích theo GCNQSDĐ là 135m² (diện tích đất sử dụng thực tế là 130,2m²), địa chỉ thừa đất tại phường Đồng Phú, đã được UBND thành phố Đ, cấp GCNQSDĐ vào ngày 19/4/2010, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00039 mang tên cụ Hà Công P1, cụ Nguyễn Thị T. Có diện tích tứ cận và kích thước cụ thể kèm theo.

6. Giao cho bà Hà Thị N được quyền sử dụng diện tích 99,9m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 59,9m², tại thừa đất số 208, tờ bản đồ số 58 (nay là thừa đất số 192, tờ bản đồ số 57), diện tích theo GCNQSDĐ là 102,8m² (diện tích đất sử dụng thực tế là 99,9m²), địa chỉ thừa đất tại phường Đồng Phú, đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ vào ngày 19/4/2010, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00041 mang tên cụ Hà Công P1, cụ Nguyễn Thị T. Có diện tích tứ cận và kích thước cụ thể kèm theo.

7. Giao cho anh Hà Công B được quyền sử dụng diện tích 106m² đất trồng cây lâu năm, được tách ra từ một phần của thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 (nay là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 57), diện tích theo GCNQSDĐ là 213m² (diện tích đất sử dụng thực tế là 242,3m²) địa chỉ thửa đất tại phường Đồng Phú, đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ vào ngày 19/4/2010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00042 mang tên cụ Hà Công P1, cụ Nguyễn Thị T. Có diện tích tứ cận và kích thước cụ thể kèm theo.

8. Diện tích đất 136,3m² Toà án không xem xét giải quyết được tách ra từ một phần của thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 (nay thửa đất số 31, tờ bản đồ số 57) diện tích sử dụng thực tế là 136,3m², trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 36,3m², trên đất có ngôi nhà hai tầng của cụ P1, cụ T các ông Hà Công P, bà Hà Thị D, bà Hà Thị T, bà Hà Thị N, bà Hà Thị N1, bà Hà Thị Xuân H, anh Hà Công B không yêu cầu Toà án giải quyết, sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

9. Buộc bà Hà Thị N phải trả một phần thừa kế cho ông Hà Công P số tiền 99.928.000 đồng; bà Hà Thị D số tiền 99.928.000 đồng; bà Hà Thị T số tiền 99.928.000 đồng; bà Hà Thị N1 số tiền 99.928.000 đồng; bà Hà Thị Xuân H số tiền 99.928.000 đồng; anh Hà Công B số tiền 99.928.000 đồng (đại diện thừa kế của ông L).

10. Buộc anh Hà Công B phải trả cho bà Hà Thị N1 số tiền 530.000.000 đồng.

11. Trên thửa đất số 208 (nay thửa 192), tờ bản đồ số 58 (nay tờ bản đồ số 57) và một phần của thửa đất số 209 (nay thửa 31), tờ bản đồ số 58 (nay tờ bản đồ số 57) có 01 nhà cũ 02 tầng, mỗi tầng 75,6 m² của cụ P1, cụ T, xây dựng năm 1992 đã xuống cấp không ai sử dụng và chưa được giải tỏa, hiện phần đất giao cho bà N có một phần nhà diện tích 31,9m² x 2 tầng, phần đất giao cho anh B có một phần nhà diện tích 43,7m² x 2 tầng. Giao cho bà Hà Thị N tự tháo dỡ phần nhà gắn liền với đất được giao cho bà N sử dụng. Giao cho anh Hà Công B tự tháo dỡ phần nhà gắn liền với phần đất được giao cho anh B sử dụng. Trong trường hợp bà N, anh B không tự tháo dỡ thì yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành. Bà N, anh B phải chịu chi phí tháo dỡ theo quy định của pháp luật.

12. Hiện nay, tài sản của cụ P1, cụ T còn có số tiền 1.564.000.000 đồng, trong đó bà H đang giữ số tiền 711.000.000 đồng, bà N mượn số tiền 462.000.000 đồng, bà D mượn số tiền 368.000.000 đồng; Bà H cũng đang giữ 05 chỉ vàng. Ngoài ra còn có 01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 lắc vàng 03 đến 05 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ hiện đang do bà Hoàng Thị S giữ. Số tài sản này các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi của số tiền còn phải thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/3/2024, bị đơn - ông Hà Công P kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông P được hưởng ½ diện tích thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58. Trường hợp không phân chia theo hướng như trên thì đề nghị phân chia toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1 kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chia thừa kế theo pháp luật di sản của bố mẹ bà để lại gồm 3 thửa đất 206, 208, 209 đã được Tòa án định giá toàn bộ 3.395.000.000 đồng, chia cho 7 người con, mỗi người được hưởng 485.000.000 đồng. Bà xin được chia sử dụng thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58 để làm nhà ở và buôn bán nuôi sống bản thân.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, tại các buổi làm việc ngày 07/7/2024 và ngày 17/7/2024, các đương sự thống nhất: Một phần thửa đất 209 gắn liền với ngôi nhà 2 tầng của cụ P1, cụ T để lại giao cho bà S và các con sở hữu, sử dụng nhưng không được mua bán, chuyển nhượng mà dùng để thờ cúng ông bà tổ tiên, không đưa vào phân chia. Các di sản còn lại của cụ P1, cụ T gồm thửa đất 206, thửa đất 208 và một phần tách ra từ thửa đất 209 sẽ chia đều về về trị giá cho các đồng thừa kế. Về hiện vật, ưu tiên cho bà Hà Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 58. Còn lại thửa đất số 208 và một phần thửa đất được tách ra từ thửa đất số 209 các bên đương sự chưa thỏa thuận, thống nhất được, do bà N1, ông P đều yêu cầu được sử dụng thửa đất 208 còn bà N thì không đồng ý yêu cầu của bà N1 và ông P mà muốn được sử dụng thửa đất 208 như ý nguyện của bố mẹ trước đây. Vì vậy, đề nghị Tòa án phân chia theo quy định.

Trước khi mở phiên tòa, anh Hà Công B gửi cho Tòa án 01 Đơn trình bày ngày 18/7/2024 có chữ ký xác nhận của các đồng thừa kế là ông Hà Công P, bà Hà Thị D, bà Hà Thị T, bà Hà Thị N, bà Hà Thị Nở và bà Hà Thị Xuân H với nội dung: Các đồng thừa kế thống nhất cho anh Hà Công B được đứng tên sở hữu, sử dụng ngôi nhà và diện tích đất gắn liền với ngôi nhà trong thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 của cụ P1, cụ T để lại để ở và thờ phụng, không sang nhượng, mua bán. Ngoài ra anh Hà Công B, anh Hà Công H và bà Hoàng Thị S còn được nhận phần di sản thừa kế còn lại của cụ P1, cụ T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự thống nhất giao cho anh Hà Công B được sở hữu, sử dụng một phần thửa đất 209 và ngôi nhà 2 tầng gắn liền với đất. Về nội dung anh B không được chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với đất sau khi xét xử phúc thẩm các bên sẽ tự lập văn bản thỏa thuận để thực hiện sau này.

Bà Hà Thị D đề nghị đối với thửa đất 206 bố mẹ và anh chị em trước đây đã thống nhất cho bà được quyền sử dụng, sau đó bố mẹ chết nên chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà. Khi bố mẹ yêu cầu nộp tiền thì bà cũng đã vay mượn nộp đủ. Nay bà đề nghị cho bà được hưởng nguyên thửa đất này mà không đưa vào để phân chia nữa. Bà Hà Thị N1, bà Hà Thị N và ông Hà Công P giữ nguyên nguyện vọng được sử dụng thửa đất 208. Riêng ông Hà Công P trình bày nếu không được chia thửa đất 208 thì ông xin được quyền sử dụng một phần thửa đất 209 có diện tích 106m² để sau này được ở gần thờ phụng bố mẹ và ông bà tổ tiên vì ông là con trai trưởng. Các đương sự khác vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - ông Hà Công P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T đối với thửa đất 206, thửa đất số 208 và 106m² đất thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 tại Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho 07 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Hà Công P, Nguyễn Thị T. Về hiện vật, giao cho bà Hà Thị D sử dụng thửa đất số 206; giao cho bà Hà Thị N sử dụng thửa đất số 208; giao cho bà Hà Thị N1 sử dụng diện tích đất 106m² tách ra từ thửa đất số 209. Bà D, bà N1 và bà N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tiền tương ứng với phần thừa kế mà các đồng thừa kế khác được hưởng mỗi phần 485.014.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 08/3/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án, ngày 15/3/2024 bị đơn - ông Hoàng Công P làm đơn kháng cáo; ngày 21/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1 làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của ông P, bà N1 nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định, do đó, căn cứ Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xác định di sản thừa kế mà cụ P1, cụ T để lại:

Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Cụ Hà Công P1, sinh năm 1931 (chết ngày 19/6/2016) và cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1928 (chết ngày 23/12/2013) khi còn sống tạo lập nên khối tài sản là 01 thửa đất số 132, tờ bản đồ số 58 với diện tích 592,1m², tại Tổ dân phố 01, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số 00032/QSDĐ/13QĐ-UB ngày 13/02/2001. Đến năm 2010, hai cụ làm thủ tục tách thửa đất nói trên thành 04 thửa (thửa 206, 207, 208 và 209) đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ ngày 19/10/2010 đều đứng tên hai cụ. Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 58 có diện tích 141 m² (kết quả thẩm định diện tích sử dụng theo hiện trạng là 133,6m², thửa 191, tờ bản đồ số 57) hai cụ đã chuyển quyền sử dụng cho bà Hà Thị Xuân H và bà H đã được cấp GCNQSDĐ; 03 thửa còn lại vẫn mang tên cụ P1 và cụ T. Khi hai cụ chết không để lại di chúc. Như vậy, di sản thừa kế của cụ P1, cụ T để lại gồm: Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích 213m² (kết quả thẩm định diện tích sử dụng thực tế là 242,3m², tờ bản đồ số 57) và ngôi nhà 2 tầng gắn liền với đất; thửa đất số 206, tờ bản đồ số 58, diện tích 135m² (kết quả thẩm định diện tích sử dụng thực tế là 130,2m², thửa 190, tờ bản đồ số 57) và thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58, diện tích

102,8m² (kết quả thẩm định diện tích sử dụng thực tế là 99,9m², thửa 192, tờ bản đồ số 57). Trên thửa đất 208 và một phần thửa đất 209 có 01 ngôi nhà 2 tầng đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên các đương sự thống nhất không đưa vào để phân chia mà sau này tháo dỡ để lấy mặt bằng đất giao cho thừa kế được chia hưởng quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn có các khoản tiền, vàng bố mẹ để lại nhưng các đương sự không yêu cầu phân chia nên cấp sơ thẩm không xem xét và tại cấp phúc thẩm các đương sự cũng không yêu cầu phân chia nên không giải quyết.

[2.2] Về xác định các thừa kế theo pháp luật của cụ P1 và cụ T:

Các đương sự thống nhất trình bày và các tài liệu, chứng cứ thể hiện: cụ P1, cụ T có 07 người con, do đó, hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm 7 người con là ông Hà Công P, bà Hà Thị D, bà Hà Thị T, bà Hà Thị N, ông Hà Công L, bà Hà Thị N1 và bà Hà Thị Xuân H. Trong hàng thừa kế này thì ông Hà Công L đã chết năm 2022, nên những người thừa kế hàng thứ nhất của ông L là bà Hoàng Thị S (vợ ông L) và các con của ông L là anh Hà Công B và anh Hà Công H được nhận kỷ phần thừa kế mà ông L được hưởng.

[2.3] Về xem xét kháng cáo của ông Hà Công P và bà Hà Thị N1:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các đương sự đều thừa nhận, trước đây, khi bố mẹ (cụ P1, cụ T) còn sống có cuộc họp phân chia tài sản như sau: ông Hà Công P và bà Hà Thị N được chia thửa đất 208; bà Hà Thị T và bà Hà Thị Xuân H được chia thửa 207; bà Hà Thị D được chia thửa 206. Với điều kiện mỗi người nộp vào cho bố mẹ là 150.000.000 đồng để bố mẹ làm nhà và 50.000.000 đồng để chuyển đất vườn thành đất ở; phần đất trống còn lại của thửa 209 cho ông Hà Công L và bà Hà Thị N1, bà N1, ông L không phải nộp tiền. Tại cấp sơ thẩm, bà D, bà T, bà N, bà H, bà S và các con đều đề nghị chia theo di nguyện của bố mẹ nhưng ông P, bà N1 không đồng ý mà đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế di sản của hai cụ theo pháp luật, với lý do, bà D đã nhận lại tiền gốc và tiền lãi phát sinh tổng cộng 368.740.000 đồng; bà N đã nhận lại số tiền gốc và tiền lãi phát sinh tổng cộng 462.740.000 đồng; ông P chưa nộp số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cụ P1, cụ T khi chết không để lại di chúc, việc chia thừa kế theo di nguyện của cụ P1, cụ T phải thỏa mãn điều kiện các đồng thừa kế thống nhất hoàn toàn. Nếu chỉ một trong các thừa kế không đồng ý thì không thể chia theo di nguyện của bố mẹ, do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D để chia di sản thừa kế của cụ P1, cụ T là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do ông P không nộp số tiền 200.000.000 đồng nên ông P không được hưởng ½ trị giá thửa đất 208, mà giao toàn bộ thửa đất cho bà N, đồng thời lấy phần giá trị tài sản thừa kế mà ông P đáng lẽ được hưởng để chia cho các đồng thừa kế là chưa phù hợp. Bởi lẽ, việc nộp tiền để xây nhà cho bố mẹ và chuyển mục đích sử dụng đất là điều kiện để các cụ phân chia tài sản cho các con, nếu người con nào chưa nộp tiền thì chưa làm thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất cho người con đó. Trong thực tế, bà H và bà T đã nộp tiền trước và đã được bố mẹ chuyển quyền sử dụng đất. Những người con còn lại, trừ ông P tuy được miễn nộp hoặc đã nộp nhưng do bố mẹ bị đau ốm, lần lượt qua đời nên chưa chuyển quyền sử dụng đất được là do trở ngại khách quan, nhưng cũng xuất phát từ việc chưa thực hiện nghĩa vụ mà bố mẹ đặt ra. Tuy nhiên, sau đó, bà N, bà D cũng đã nhận lại số tiền trước đây các bà nộp cho bố mẹ

cùng tiền lãi phát sinh. Như vậy, xét về quyền lợi của ông P và các anh chị em trong gia đình là ngang nhau, do đó, ông P cũng phải được hưởng kỷ phần thừa kế như các đồng thừa kế khác mới đảm bảo quyền lợi của ông.

Đối với bà Hà Thị N1, cấp sơ thẩm nhận định bà N1 chưa có chồng nên giao cho anh B (con trai ông L) sử dụng một phần thửa đất 209 có diện tích 106m^2 , anh B có nghĩa vụ giao lại cho bà N1 số tiền 530.000.000 đồng, là cũng không phù hợp. Bởi vì, hiện tại bà S và các con đều đang sinh sống trong ngôi nhà của cụ P1 và cụ T để lại trên thửa đất số 209. Trong khi bà N1 chưa có chồng, con và cũng đã tương đối nhiều tuổi (hiện đã 55 tuổi), việc tự tôn tạo chỗ ở mới với số tiền được chia sẽ khó khăn hơn so với các anh chị em khác. Vì vậy, việc bà N1 kháng cáo yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của bà N1.

Như vậy, kháng cáo của ông Hà Công P và bà Hà Thị N1 là có căn cứ cần chấp nhận để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với khối di sản thừa kế của cụ P1 và cụ T để lại như xác định trên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất như sau:

Giao cho anh Hà Công B (con trai ông Hà Công L) được quyền sử dụng một phần thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 (nay là tờ bản đồ số 57) diện tích sử dụng thực tế là $136,3\text{m}^2$, trong đó đất ở 100m^2 , đất trồng cây lâu năm $36,3\text{m}^2$, trên đất có ngôi nhà hai tầng của cụ P1, cụ T để lại. Ngoài ra anh Hà Công B, anh Hà Công H và bà Hoàng Thị S còn được nhận phần di sản thừa kế mà ông Hà Công L được hưởng. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa, bà Hà Thị D mong muốn được hưởng nguyên thửa đất số 206 mà không phải đưa vào để phân chia như di nguyện của bố mẹ và thỏa thuận của anh chị em trước đây. Nhưng các đồng thừa kế khác không đồng ý mà yêu cầu đưa vào khối di sản còn lại của bố mẹ để phân chia. Do đó, cần phải xác định thửa đất 206 là di sản thừa kế chưa chia để phân chia theo quy định.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ P1, cụ T mà các đương sự thống nhất đưa vào phân chia gồm: thửa đất số 206, thửa đất số 208 và một phần thửa đất 209 tách ra có diện tích 106m^2 (đất trồng cây lâu năm).

[2.4] Về trị giá di sản thừa kế các bên đương sự thống nhất đưa vào phân chia theo kết quả định giá của Công ty Cổ phần định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng như sau:

- Thửa đất số 206, diện tích theo GCNQSDĐ là 135m^2 , diện tích sử dụng thực tế còn lại là $130,2\text{m}^2$. Đất ở $40\text{m}^2 \times 11.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 440.000.000 \text{ đồng}$. Đất trồng cây hàng năm $90,2\text{m}^2 \times 5.500.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 496.100.000 \text{ đồng}$. Tổng trị giá 936.100.000 đồng.

- Thửa đất số 208, diện tích theo GCNQSDĐ là $102,8\text{m}^2$, diện tích sử dụng thực tế còn lại là $99,9\text{m}^2$. Đất ở $40\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 800.000.000 \text{ đồng}$. Đất trồng cây hàng năm $59,9\text{m}^2 \times 10.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 599.000.000 \text{ đồng}$. Tổng trị giá 1.399.000.000 đồng.

- Một phần thửa đất số 209 là đất trồng cây lâu năm có diện tích $106\text{m}^2 \times 10.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 1.060.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng trị giá các di sản thừa kế các bên thống nhất phân chia là: 3.395.100.000 đồng. Như vậy, mỗi thừa kế được hưởng mỗi kỷ phần: $3.395.100.000 \text{ đồng} : 7 \text{ phần} = 485.014.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

[2.5] Việc phân chia di sản thừa kế của cụ P1 và cụ T cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

Giao cho bà Hà Thị D được quyền sử dụng thửa đất 206, tờ bản đồ số 58 (nay là thửa đất số 190, tờ bản đồ số 57), diện tích theo GCNQSDĐ là 135m^2 , diện tích đất sử dụng theo hiện trạng là $130,2\text{m}^2$, trị giá đất là 936.100.000 đồng. Bà Hà Thị D được hưởng kỷ phần thừa kế 485.014.000 đồng nên bà phải có trách nhiệm trả cho các đồng thừa kế là ông P, bà T, bà H, vợ và các con của ông L số tiền 451.086.000. Theo phần: ông P, bà T, bà H mỗi người nhận từ bà D 112.771.500 đồng; bà S, anh B, anh H nhận từ bà D 112.771.500 đồng.

Bà Hà Thị N1 có nguyện vọng xin nhận phần diện tích đất của thửa đất số 208 (nay là thửa 192, tờ bản đồ số 57) diện tích đất sử dụng theo hiện trạng là $99,9\text{m}^2$. Tuy nhiên, thửa đất 208 theo di nguyện của bố mẹ là giao cho ông P, bà N, còn một phần tách ra từ thửa đất 209 giao cho bà N1 và ông L. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà N1, giao cho bà N1 phần diện tích đất còn lại của thửa đất 209 đất trồng cây lâu năm diện tích 106m^2 (theo kết quả đo đạc là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 57), trị giá đất là 1.060.000.000 đồng. Bà Hà Thị N1 được hưởng kỷ phần thừa kế 485.014.000 đồng nên bà phải có trách nhiệm trả cho các đồng thừa kế là ông P, bà T, bà H, vợ và các con của ông L số tiền 574.986.000. Theo phần: ông P, bà T, bà H mỗi người nhận từ bà N1 143.746.500 đồng; bà S, anh B, anh H nhận từ bà N1 143.746.500 đồng.

Đối với thửa đất số 208 (nay là thửa 191) theo di nguyện của cụ P1 và cụ T giao cho ông P, bà N sử dụng. Nguyện vọng của ông P là nhận thửa đất thừa đất số 208. Tuy nhiên, xét thấy khi cụ P1 và cụ T còn sống có yêu cầu các con nộp tiền để chuyển mục đích sử dụng đất thì ông P không nộp mà chỉ mình bà N nộp; trước khi xét xử, bà N trình bày nếu ông P lấy toàn bộ thửa đất thì giao lại cho bà $\frac{1}{2}$ trị giá nhưng ông P cũng không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao bà N sử dụng thửa đất là phù hợp. Bà Hà Thị N được hưởng kỷ phần thừa kế 485.014.000 đồng nên bà phải có trách nhiệm trả cho các đồng thừa kế là ông P, bà T, bà H, vợ và các con của ông L số tiền 913.986.000 đồng. Theo phần: ông P, bà T, bà H mỗi người nhận từ bà N số tiền 228.496.500 đồng; bà S, anh B, anh H nhận từ bà N 228.496.500 đồng.

Trên thửa đất số 208 giao cho bà N sử dụng và thửa đất số 31 giao bà N1 sử dụng có 01 nhà cũ 02 tầng mỗi tầng diện tích xây dựng $75,6 \text{ m}^2$ của cụ P1, cụ T xây dựng năm 1992, hiện đã xuống cấp, không còn ai sử dụng và chưa được giải tỏa. Vì vậy, bà Hà Thị N và bà Hà Thị N1 phải tự tháo dỡ phần nhà gắn liền với đất được giao cho mình sử dụng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và các quyền khác liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản được giao sở hữu theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Hà Công P và bà Hà Thị N1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, trả lại cho bà Hà Thị N1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà N1 đã nộp trước đây.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Bà Hà Thị D, ông Hà Công P và bà Hà Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D, ông P, bà T.

+ Bà Hà Thị N, bà Hà Thị N1, bà Hà Thị Huê, bà Hoàng Thị S và các con là Hà Công B, Hà Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với trị giá tài sản thừa kế được chia hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai; Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - ông Hà Công P; chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hà Thị N1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Hà Thị D về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cho anh Hà Công B (con trai ông Hà Công L) được sở hữu, sử dụng một phần của thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58 (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo thuộc tờ bản đồ số 57 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), diện tích sử dụng theo hiện trạng là 136,3m², trong đó đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 36,3m², gắn liền thửa đất có ngôi nhà hai tầng của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Phần đất giao anh B sử dụng có tứ cận và kích thước các cạnh như sau: phía Đông giáp đường Tôn Thất Thuyết có kích thước từ điểm 33 đến điểm 09 là 6,19m; phía Tây giáp thửa đất số 190 có kích thước từ điểm 34 đến điểm 13 là 6,25m; phía Nam giáp đường giao thông nhựa có kích thước từ điểm 09 đến điểm 13 là 22,46m; phía Bắc giáp thửa đất 31 tách ra từ thửa 209 giao bà Hà Thị N1 sử dụng có kích thước từ điểm 33 đến điểm 34 là 22,01m.

3. Xác định khối di sản của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T mà các đương sự thống nhất đưa vào để phân chia thừa kế:

- Thừa đất số 206, tờ bản đồ số 58 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 135m² (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo là thửa đất số 190, diện tích sử dụng thực tế là 130,2m² thuộc tờ bản đồ số 57 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 90,2m², đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 826117 ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Trị giá thửa đất là 936.100.000 đồng (chín trăm ba mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Thừa đất số 208, tờ bản đồ số 58 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 102,8m² (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo là thửa đất số 192, diện tích sử dụng thực tế là 99,9m², thuộc tờ bản đồ số 57 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 59,9m², đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 826138 ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Trị giá thửa đất là 1.399.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng).

- Thừa đất số 31, tờ bản đồ số 57 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích đất trồng cây lâu năm 106m² được tách ra từ thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 213m², trong đó 100m² đất ở và 113m² đất trồng cây lâu năm (diện tích sử dụng theo hiện trạng là 242,3m²) đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 826137 ngày 19/4/2010 mang tên cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T. Trị giá 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T; ký phần thừa kế mà mỗi thừa kế được hưởng:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1 và cụ T gồm 07 người con là ông Hà Công P; bà Hà Thị D; bà Hà Thị T; ông Hà Công L (chết ngày 27/7/2022) vợ ông L là bà Hoàng Thị S và các con là Hà Công B, Hà Công H là những người thừa kế của ông L; bà Hà Thị N; bà Hà Thị N1; bà Hà Thị Xuân H.

Ký phần mà mỗi thừa kế được hưởng là 3.395.100.000 đồng : 7 = 485.014.286 đồng (làm tròn số 485.014.000 đồng).

5. Việc phân chia thừa kế cụ thể như sau:

- Giao cho bà Hà Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 58 (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo là thửa đất số 190, tờ bản đồ số 57 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), diện tích thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 135m², diện tích đất sử dụng theo hiện trạng là 130,2m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 90,2m². Đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 826117 ngày 19/4/2010, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00039 mang tên cụ Hà Công P1, cụ Nguyễn Thị T. Thửa đất có tứ cận và kích thước các cạnh như sau: phía Đông giáp các thửa đất số 191, 192, 31 và 209 có kích thước từ điểm 27 đến 13 là 23,9m; phía Tây giáp thửa đất số 32 có kích thước từ điểm 15 đến điểm 23 là 23,75m; phía Nam giáp đường nhựa có kích thước từ điểm 13 đến điểm 15 là 5,8m; phía Bắc giáp thửa đất 169 có kích thước từ điểm 23 đến điểm 27 là 5,41m. Trị giá thửa đất là 936.100.000 đồng (chín trăm ba mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Giao cho bà Hà Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58 (theo Sơ đồ thửa đất kèm theo là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 57 tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), diện tích thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 102.8m², diện tích đất sử dụng theo hiện trạng là 99,9m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 59,9m². Đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 826138 ngày 19/4/2010, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00041 mang tên cụ Hà Công P1, cụ Nguyễn Thị T. Thửa đất có tứ cận và kích thước như sau: phía Đông giáp đường Tôn Thất Thuyết có kích thước từ điểm 05 đến 07 là 5m; phía Tây giáp thửa đất số 190 có kích thước từ điểm 19 đến điểm 21 là 4,47m; phía Nam giáp thửa đất 31 có kích thước từ điểm 07 đến điểm 19 là 21,42m; phía Bắc giáp thửa đất 191 có kích thước từ điểm 05 đến điểm 21 là 21m. Trị giá thửa đất là 1.399.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Giao cho bà Hà Thị N1 được quyền sử dụng một phần thửa đất được tách ra từ thửa đất số 209, tờ bản đồ số 58. Theo Sơ đồ thửa đất kèm theo là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 57, diện tích 106m² đất trồng cây lâu năm tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Thửa đất có tứ cận và kích thước như sau: phía Đông giáp đường Tôn Thất Thuyết có kích thước từ điểm 07 đến 33 là 5,72m; phía Tây giáp thửa đất số 190 có kích thước từ điểm 19 đến điểm 34 là 4,15m; phía Nam giáp phần đất giao cho anh Hà Công B sử dụng có kích thước từ điểm 33 đến điểm 34 là 22,01m; phía Bắc giáp thửa đất 192 có kích thước từ điểm 07 đến điểm 19 là 21,42m. Trị giá thửa đất là 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

- Buộc bà Hà Thị D, bà Hà Thị N, bà Hà Thị N1 phải trả cho các thừa kế khác số tiền vượt quá kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng như sau:

+ Buộc bà Hà Thị D phải trả cho ông Hà Công P số tiền 112.771.500 đồng; bà Hà Thị T số tiền 112.771.500 đồng; bà Hà Thị Xuân H số tiền 112.771.500 đồng; bà Hoàng Thị S, anh Hà Công B và anh Hà Công H số tiền 112.771.500 đồng (theo phần bà S 37.590.500, anh B 37.590.500 đồng, anh H 37.590.500 đồng).

+ Buộc bà Hà Thị N phải trả cho ông Hà Công P số tiền 228.496.500 đồng; bà Hà Thị T số tiền 228.496.500 đồng; bà Hà Thị Xuân H số tiền 228.496.500 đồng; bà Hoàng Thị S, anh Hà Công B và anh Hà Công H số tiền 228.496.500 đồng (theo phần bà S 76.165.500 đồng, anh B 76.165.500 đồng và anh H 76.165.500 đồng).

- Buộc bà Hà Thị N1 phải trả cho ông Hà Công P số tiền 143.746.428 đồng; bà Hà Thị T số tiền 143.746.500 đồng; bà Hà Thị Xuân H số tiền 143.746.500 đồng; bà Hoàng Thị S, anh Hà Công B và anh Hà Công H số tiền 143.746.500 đồng (theo phần bà S 47.915.476 đồng, anh B 47.915.476 đồng và anh H 47.915.476 đồng).

6. Trên thửa đất số 208, tờ bản đồ số 58 (theo Sơ đồ thẩm định thửa đất kèm theo là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 57) giao cho bà Hà Thị N sử dụng và một phần của thửa đất số 209 (theo Sơ đồ thẩm định thửa đất kèm theo là thửa đất số 31 tờ bản đồ số 58) giao cho bà Hà Thị N1 sử dụng có 01 nhà cũ 02 tầng, mỗi tầng diện tích xây dựng 75,6 m² của cụ Hà Công P1 và cụ Nguyễn Thị T xây dựng năm 1992, đã hư hỏng, xuống cấp, không ai sử dụng và chưa được giải tỏa. Vì vậy, bà Hà Thị N và bà Hà Thị N1 có trách nhiệm tự tháo dỡ phần nhà gắn liền với đất được giao cho mình sử dụng. Trong trường hợp bà N, bà N1 không tự tháo dỡ thì yêu cầu Cơ quan

Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành. Bà N, bà N1 phải chịu chi phí tháo dỡ theo quy định của pháp luật.

7. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và các quyền khác liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản được giao sở hữu theo quy định của pháp luật.

8. Về án phí:

- Về án phí phúc thẩm: Ông Hà Công P và bà Hà Thị N1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho bà Hà Thị N1 số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001095 ngày 26/3/2024.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hà Công P, bà Hà Thị D và bà Hà Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Hà Thị N, bà Hà Thị N1 và bà Hà Thị Huê phải nộp mỗi người phải nộp 23.400.560 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn năm trăm sáu mươi đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Bà Hoàng Thị S, anh Hà Công B và anh Hà Công H phải nộp mỗi người 7.800.186 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 08/8/2024).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình
- Chi cục THADS Tp. Đồng Hới;
- TAND thành phố Đồng Hới
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Xuân Diệu**

